TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐIỆN BÀN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 223/2020/QĐST-HNGĐ	*Điện Bàn, ngày 05 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 233/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Khối X, phường V, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Ông Phạm Kim T, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Khối X, phường V, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị L và ông Phạm Kim T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Phạm Kim T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Có 02 con chung.

Giao hai con Phạm Quỳnh A, sinh ngày 06/10/2006 và Phạm Kim Anh K, sinh ngày 19/6/2012 cho bà Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Phạm Kim T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng là 3.000.000đ (cấp dưỡng mỗi con hàng tháng là 1.500.000đ). Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 08/2020 cho đến khi con Phạm Quỳnh A, Phạm Kim Anh K đủ 18

tuổi. Ông Phạm Kim T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Không có.

2.5. Về án phí: Bà Lê Thị L tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng bà Lê Thị L chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), tại biên lai thu số 0002639, ngày 17/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà Lê Thị L đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND TX. Điện Bàn;
- UBND phường Vĩnh Điện;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THA thị xã Điện Bàn;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Trịnh Thị Thúy Vân